TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST Ngày 29-12-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lương.

2. Ông Đặng Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liệu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 10/08/1997; CCCD: 052197006098; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn Đ, sinh ngày 04/12/1990; CCCD: 052090011414; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Lê Tấn Đ quen biết, tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 02 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng, chị làm nghề may còn anh Đ làm sàn gỗ tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không còn tiếng

nói chung nên thường xuyên kình cãi, mỗi lần kĩnh cãi thì anh Đ đánh đập chị. Gia đình 02 bên đã hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị đưa 02 con về nhà mẹ ruột sống từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung tên là Lê Kiều N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2014 và Lê Kiều M, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2022. Hiện 02 con đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Tấn Đ không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh Đ, giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Lê Tấn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ đang cư trú tại tổ dân phố K, phường B, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh Đ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị D cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Lê Tấn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị D, anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị D xin ly hôn vì lý do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; trong quá trình mâu thuẫn, anh Đ có hành vi đánh đập chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Tấn Đ không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến phản hồi hay biện pháp nào thể hiện thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Tuy là vợ chồng hợp pháp nhưng chị D và anh Đ không còn chung sống với nhau, không thực hiện nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình mà bỏ mặc nhau. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Chị D và anh Đ có 02 con chung tên là Lê Kiều N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2014 và Lê Kiều M, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2022. Hiện 02 con đang sống với chị D. Chị D yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con. Xét thấy trong thời gian vợ chồng không chung sống, các cháu do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đã ổn định về tâm lý và đời sống, gắn bó với mẹ; chị D có đủ điều kiện bảo đảm cho các cháu phát triển bình thường. Các cháu đều là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Hơn nữa, cháu Lê Kiều N có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N và cháu M cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu anh Lê Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, không có tài liệu, chứng cứ xác định được mức thu nhập cụ thể của anh Đ. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn ½ tháng lương tối thiểu vùng nơi anh Đ đang cư trú (vùng IV) tương đương 3.700.000 đồng/2 = 1.850.000 đồng, nếu tính mức lương tối thiểu vùng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Xét thấy mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu là phù hợp, bảo đảm quyền lợi của các cháu và phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó, căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu M hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu. Vì không có căn cứ xác định thời gian anh Đ vi phạm nghĩa vụ nuôi con nên thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi cháu N, cháu M đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Lê Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Trần Thị Mỹ D ly hôn anh Lê Tấn Đ.

2. Giao con chung là cháu Lê Kiều N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2014 và Lê Kiều M, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2022 cho chị Trần Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện 02 con đang sống với chị D.

Anh Lê Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Kiều Ngân H tháng, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Lê Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Kiều M hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002645 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của

Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Anh Lê Tấn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- UBND phường Bình Định, tỉnh Gia Lai (Số 018/2017);
- Phòng KTNV&THA TAND T. Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên